TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KÔNG CHRO** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/DS-ST
Ngày: 13/01/2021
"V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KÔNG CHRO - TỈNH GIA LAI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Lê Văn Tiến.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
1. Bà Đinh Thị Bích Vân.
2. Ông Đinh Minh Hoàng.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Tình – Thư ký Toà án nhân dân huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Tường Vi - Kiểm sát viên.

Ngày 13/01/2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 15/2020/TLST–DS, ngày 18/6/2020, về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐST-DS, ngày 14/12/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Xuân T, sinh năm 1966; Địa chỉ: 34 Kpă Klơng, tổ dân phố 2, thị trấn Kông Chro, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai – có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1966 và ông Nguyễn Bá T, sinh năm 1960; Địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn Kông Chro, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai. Ông Nguyễn Bá T ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Ngọc B tham gia tố tụng tại Tòa án (giấy ủy quyền được lập ngày 26/6/2020 tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Kông Chro, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai). Bà B có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/6/2020, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Xuân T trình bày:

Ngày 01/4/2016 vợ chồng bà Nguyễn Thị Ngọc B và ông Nguyễn Bá T có nợ và viết giấy nhận nợ của tôi số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng). Khi viết giấy nhận nợ bà B và ông T có hẹn trả cho tôi số tiền trên trong thời gian 12 tháng, lãi suất do hai bên thỏa thuận. Tuy nhiên đến ngày 01/4/2018 vợ chồng bà B ông T vẫn không trả cho tôi số tiền trên theo thỏa thuận và tiếp tục hẹn tôi kể từ tháng 4/2018 sẽ trả góp trong thời hạn 24 tháng nhưng vẫn không thực hiện.

Cùng ngày 01/4/2018 vợ chồng ông Nguyễn Bá T và bà Nguyễn Thị B có hợp đồng vay tiền thế chấp của tôi số tiền là 330.000.000 đồng với lãi suất hai bên thỏa

thuận là 1%/tháng, tiền lãi trả hàng tháng, thời hạn cho vay là 12 tháng kể từ ngày vay. Đối với khoản vay này hai bên thỏa thuận nếu bên vay tiền đến hạn không trả dứt điểm số tiền gốc và lãi thì ông T và bà B tự nguyện giao lô đất 360m^2 có nhà cấp 4 gắn liền trên đất, đất đã nộp thuế quyền sử dụng đất 100 m^2, số còn lại chưa nộp quyền sử dụng đất, chiều rộng 9 m, chiều dài 40 m; Đất có vị trí : Phía Đông giáp Nguyễn Thị Mỹ L, phía Nam giáp đất rẫy Lê Thị S, phía Tây giáp đường dân sinh, phía Bắc giáp đường Nguyễn Trãi. Tuy nhiên ông T và bà B vẫn không thực hiện như thỏa thuận.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Bá T và bà Nguyễn Thị Ngọc B phải trả cho tôi số tiền đã vay. Trong đó số tiền nợ gốc của hai khoản vay là 410.000.000 đồng; tiền lãi của số tiền vay 330.000.000 đồng tạm tính đến ngày 30/5/2020 là 25 tháng x 1%/ tháng là 82.500.000 đồng; tiền lãi của số tiền 80.000.000 đồng tạm tính đến ngày 30/5/2020 là 25 tháng x 1%/ tháng là 20.000.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 512.500.000 đồng (Năm trăm mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) và tiền lãi phát sinh đến khi giải quyết xong vụ án.Ngoài ra tôi không có yêu cầu gì khác.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B trình bày:* Ngày 01/4/2018 vợ chồng tôi có vay tiền của bà Nguyễn Thị Xuân T, khi vay có lập hợp đồng vay và có thế chấp (không qua công chứng); Số tiền vay theo hợp đồng ngày 01/4/2018 là 330.000.000 đồng (ba trăm ba mươi triệu đồng), lãi suất 1% trên tháng, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày vay. Vợ chồng tôi thế chấp diện tích đất 360 m^2, có nhà cấp 4 gắn liền trên đất, đã nộp thuế quyền sử dụng đất là 100 m^2 , số còn lại chưa nộp thuế quyền sử dụng đất; vị trí và diện tích như sau: Chiều rộng 9m, chiều dài 40m, phía Đông giáp đất Nguyễn Thị Mỹ L, phía Nam giáp đất rẫy Lê Thị S, phía Tây giáp đường dân sinh, phía Bắc giáp đường Nguyễn Trãi. Hai bên có thỏa thuận nếu bên vay tiền đến hạn không trả dứt điểm số tiền gốc và lãi nói trên cho bà Nguyễn Thị Xuân T thì vợ chồng tôi tự nguyện giao lô đất và nhà nói trên cho bà T và kể từ ngày hết hạn vay bà T được toàn quyền sử dụng lô đất và nhà nói trên.

Từ khi vay đến nay vợ chồng tôi đã trả lãi cho bà T nhiều lần, trong đó trả trực tiếp cho bà T vào ngày 30/6/2018 số tiền 8.200.000 đồng, ngày 12/9/2018 trả số tiền 6.400.000 đồng, chuyển khoản trả 02 lần mỗi lần 6.200.000 đồng là 12.400.000 đồng. Tổng cộng vợ chồng tôi đã trả tiền lãi cho bà T số tiền 27.000.000 đồng (hai mươi bảy triệu đồng). Do làm ăn khó khăn nên vợ chồng tôi không trả được số tiền còn lại cho bà T như thỏa thuận.

Nay bà T yêu cầu vợ chồng tôi phải trả cho bà số tiền đã vay. Trong đó số tiền nợ gốc của hai khoản vay là 410.000.000 đồng; tiền lãi của số tiền vay 330.000.000 đồng tạm tính đến ngày 30/5/2020 là 25 tháng x 1%/ tháng số tiền 82.500.000 đồng; tiền lãi của số tiền 80.000.000 đồng tạm tính đến ngày 30/5/2020 là 25 tháng x 1%/ tháng số tiền 20.000.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 512.500.000 đồng (Năm trăm mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) thì ý kiến của tôi là vợ chồng tôi chỉ vay bà T số tiền 330.000.000 đồng, giấy nhận nợ 80.000.000 đồng đã được tính tổng cộng trong số vay 330.000.000 đồng. Trong quá trình vay vợ chồng tôi đã trả một

phần lãi số tiền 27.000.000 đồng cho bà T. Do điều kiện làm ăn gặp nhiều khó khăn do đó vợ chồng tôi đề nghị bà T xin được trả khoản tiền vay gốc là 330.000.000 đồng, không tính tiền lãi tiếp theo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kông Chro nêu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định. Các đương sự được xác định đúng tư cách pháp lý đương sự, đảm bảo việc thu thập chứng cứ, việc cấp tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho đương sự và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu đúng thời gian quy định.

Đại diện Viện kiểm sát còn phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 266; Điều 267 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Các 463, 466, 468, 470 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân T; Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Ngọc B và ông Nguyễn Bá T phải trả cho bà Nguyễn Thị Xuân T số tiền tổng cộng 509.490.000 đồng; số tiền bà Nguyễn Thị Xuân T không được chấp nhận là 6.486.600 đồng. Đồng thời buộc bà Nguyễn Thị Ngọc B và ông Nguyễn Bá T và bà Nguyễn Thị Xuân T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng : Nguyên đơn trong vụ án là bà Nguyễn Thị Xuân T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản của bà với ông Nguyễn Bá T và bà Nguyễn Thị Ngọc B, ông T và bà B có nơi cư trú tại địa chỉ là Tổ dân phố 2, thị trấn Kông Chro, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai. Do đó Tòa án nhân dân huyện Kông Chro thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Từ chỗ quen biết ngày 01/4/2016 vợ chồng bà Nguyễn Thị Ngọc B và ông Nguyễn Bá T vay của bà Nguyễn Thị Xuân T số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) và có viết giấy nhận nợ. Khi viết giấy nhận nợ bà B và ông T có hẹn trả cho bà T số tiền trên trong thời gian 12 tháng, lãi suất do hai bên thỏa thuận. Tuy nhiên đến ngày 01/4/2018 vợ chồng bà B ông T vẫn không trả cho bà T số tiền trên theo thỏa thuận và tiếp tục hẹn bà T kể từ tháng 4/2018 sẽ trả góp (trả dần) cho bà T trong thời hạn 24 tháng nhưng bà B và ông T vẫn không thực hiện. Ngày 01/4/2018 vợ chồng ông Nguyễn Bá T và bà Nguyễn Thị B tiếp tục vay tiền và có thế chấp của bà T số tiền là 330.000.000 đồng với lãi suất hai bên thỏa thuận là 1%/tháng, tiền lãi trả hàng tháng, thời hạn cho vay là 12 tháng kể từ ngày vay. Đối với khoản vay này hai bên thỏa thuận nếu bên vay tiền đến hạn không trả dứt điểm số

tiền gốc và lãi thì ông T và bà B tự nguyện giao lô đất 360m^2 có nhà cấp 4 gắn liền trên đất tại tổ dân phố 2, thị trấn Kông Chro, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai. Tuy nhiên ông T và bà B chỉ thực hiện được một phần lãi sau đó không thực hiện như thỏa thuận.

Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Xuân T thì thấy rằng: Việc vay tiền giữa bà Nguyễn Thị Xuân T với ông Nguyễn bá T và bà Nguyễn Thị Ngọc B vào ngày 01/4/2016 và ngày 01/4/2018 được xác lập trên cơ sở tự nguyện thoả thuận giữa hai bên, không vi phạm điều cấm của pháp luật và đạo đức xã hội do đó hợp đồng này là hợp pháp, các bên phải có nghĩa vụ tôn trọng và thực hiện đúng những thoả thuận, cam kết khi xác lập hợp đồng. Hợp đồng này có ấn định thời hạn trả gốc do đó đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn được quy định tại Điều 470 của Bộ luật dân sự. Tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định: "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*". Tuy nhiên, đến nay đã quá thời hạn trả nợ theo thỏa thuận nhưng ông T bà B không trả làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T nên bà khởi kiện yêu cầu ông T bà B trả nợ là có căn cứ. Chính vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T và buộc ông T bà B phải trả cho bà T số tiền đã vay cụ thể:

- Tiền gốc là : 410.000.000 đồng (bốn trăm mười triệu đồng).

- Tiền lãi:

+ Đối với khoản vay từ 01/4/ 2016, gia hạn từ 01/4/2018 bà Thủy yêu cầu tiền lãi 1%/ tháng là không phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 476 BLDS 2005. Do đó lãi suất được chấp nhận theo mức lãi suất cơ bản là 9%/ năm theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam, lãi của khoản vay này được tính lại như sau: 80.000.000 đ x 0,75% x 32 tháng 13 ngày = 19.460.000 đồng. (thấp hơn yêu cầu của bà Thủy 6.486.600 đồng)

+ Đối với khoản vay 330.000.000 đồng x 1%/ tháng x 32 tháng 13 ngày = 107.030.000 đồng.

Đại diện phía bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B thừa nhận vợ chồng có quan hệ vay và ký vào các giấy vay tiền nhưng cho rằng quá trình làm ăn nhiều năm đã vay và trả lãi nhiều, nay không có khả năng trả nợ nên đề nghị bà T cho trả khoản vay 330.000.000 đồng, không trả khoản vay 80.000.000 đồng và tiền lãi của hai khoản trên nhưng không được bà T chấp nhận.

Đối với khoản lãi đã trả, bị đơn cho rằng đã trả lãi nhiều lần với tổng số tiền 27.000.000 đồng, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa bà T cũng công nhận đã được bà B trả khoản lãi nêu trên, do đó số tiền trên được trừ vào số tiền lãi bà B và ông T còn phải thanh toán.

Như vậy số tiền bà T yêu cầu khởi kiện tính đến thời điểm xét xử được chấp là 536.490.000 đồng - 27.000.000 đồng (lãi đã thanh toán) còn lại 509.490.000 đồng; số tiền không được chấp nhận 6.486.600 đồng.

[3] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với nội dung vụ án là phù hợp với các quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận

[4] *Về án phí*: Yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân T được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Bá T và bà Nguyễn Thị Ngọc B phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận; bà Nguyễn Thị Xuân T phải chịu án phí đối với phần không được chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo : Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; khoản 3 Điều 144; Điều 147, Điều 235, 264, 266; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 476 BLDS 2005; các Điều 463, 466, 468, 470 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử :

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân T.

- Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc B và ông Nguyễn Bá T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Xuân T số tiền là 509.490.000 đồng (Năm trăm lẻ chín triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng), trong đó tiền gốc 410.000.000 đồng, tiền lãi 99.490.000 đồng.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân T yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc B và ông Nguyễn Bá T trả số tiền tiền lãi là 6.486.600 đồng (Sáu triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn sáu trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí:

- Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc B và ông Nguyễn Bá T phải chịu 24.379.600 đồng (hai mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn sáu trăm đồng).

- Bà Nguyễn Thị Xuân T phải chịu 324.330 đồng (ba trăn hai mươi bốn nghìn ba trăm ba mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp 12.250.000 đồng (Mười hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Toà án số 0000235 ngày 18/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai, bà Nguyễn Thị Xuân T được hoàn trả lại số tiền 11.925.670 đồng (Mười một triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn sáu trăm bảy mươi đồng).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

<u>Nơi nhận</u>:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Kông Chro;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Kông Chro;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Lê Văn Tiến